

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI LÊN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: THỰC TẾ TỪ BANGLADESH

Afzalur Rahman, Trường Kinh doanh và Kinh tế, Đại học Thompson Rivers, Canada

Tóm tắt:

Mục tiêu cốt lõi của nghiên cứu này là đánh giá tác động của Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến sự phát triển kinh tế của Bangladesh. Để đạt được mục tiêu, bài viết đã tiến hành phân tích thống kê các mối quan hệ giữa FDI và tác động của nó đến các chỉ số kinh tế vĩ mô được lựa chọn như Tổng sản phẩm quốc nội, Tỷ lệ lạm phát và cán cân thương mại. Nghiên cứu đã kiểm tra dữ liệu chuỗi thời gian trong khoảng thời gian 15 năm, từ năm 1999 đến năm 2013. Nhiều phân tích hồi quy được sử dụng để đo lường mối quan hệ giữa các biến độc lập (FDI) và biến phụ thuộc (các chỉ số kinh tế vĩ mô). Các kết quả thu được trong nghiên cứu này biểu thị một mối tương quan nghịch giữa FDI và tăng trưởng kinh tế và có thể là một mối quan tâm đối với chính phủ Bangladesh. Chính phủ có thể tập trung vào các cải cách cần thiết và các hàm ý chính sách để làm cho đầu tư nước ngoài có lợi hơn.

1. Bối cảnh

Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế là một chủ đề được tranh luận nhiều trong các học giả. Một số chuyên gia cho rằng có một mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế (Mengistu & Adams, 2007). Người ta cho rằng FDI là yếu tố quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển vốn cho các nước đang phát triển, chuyển giao kiến thức và công nghệ và tạo việc làm có thể có tác động trực tiếp

đến tăng trưởng kinh tế (Al-Iriani & Al-Shamsi, 2009). Hơn nữa, Sylwester (2005) cho rằng FDI ảnh hưởng đến đầu tư trong nước, thúc đẩy hơn nữa sự phát triển kinh tế của nước sở tại.

Mặt khác, một số nhà nghiên cứu chỉ ra rằng FDI có thể có tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế của nước sở tại (Hermes & Lensink, 2003). Việc thu hồi lợi nhuận của các công ty nước ngoài gây rủi ro cho cán cân thanh toán (BOP; Kentor, 1998). Fry (1999)

cho rằng FDI đã giảm tỷ lệ tiết kiệm quốc gia, đầu tư trong nước nên làm giảm sự tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia đang phát triển.

Quan điểm thứ ba cho thấy FDI có thể có tác động tích cực đến nước sở tại chỉ khi nước sở tại có khả năng hấp thụ liên quan đến trình độ học vấn, công nghệ, cơ sở hạ tầng, năng lực con người và ổn định chính trị (Balasubramanyam, Mohammad, & Sapsford, 1996; Sanchez-Robles, 2003).

➤ ➤ ➤ THỐNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

Từ các cuộc thảo luận trên, rõ ràng là các chuyên gia có quan điểm khác nhau về tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế của nước sở tại. Nghiên cứu này cố gắng xác định xem FDI có tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế hay không bằng cách kiểm tra bằng chứng thực nghiệm từ Bangladesh.

2. Tổng quan về Bangladesh

Bangladesh là một quốc gia mới nổi ở Nam Á có lực lượng lao động được trả lương thấp nhất và thuế suất thuế nhập khẩu thấp nhất trong khu vực (Đầu tư nước ngoài, 2009). Ngành dệt may ở Bangladesh có danh tiếng trên toàn thế giới, và ngành may mặc hiện chiếm hơn 75% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bangladesh có lợi thế về vị trí chiến lược, nằm giữa các thị trường mới nổi rộng lớn ở Nam Á và các thị trường phát triển nhanh ở Đông Nam Á. Dân số tầng lớp trung lưu ở các vùng này đang phát triển nhanh chóng và sức mua ngày càng tăng.

Tuy nhiên, Bangladesh là một nước đang phát triển với cơ sở hạ tầng yếu (Rahman, 2008; Islam, 2003; Ahmed, 2005; Khan, 2007; Haque, 2007; Gupta, 1999).

Trong một nước đang phát triển, tài sản nước ngoài là cần thiết để giảm khoảng cách tiết kiệm trong nước, thâm hụt cán cân thanh toán, tỷ lệ lạm phát, thâm hụt công, chênh lệch tỷ giá hối đoái, tỷ lệ thất nghiệp và mức nghèo. Tài sản nước ngoài cũng giúp duy trì tăng trưởng ổn định trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và tổng sản phẩm quốc gia (GNP), lãi suất ổn định và tỷ giá hối đoái, thu nhập bình quân đầu người và sức mua tương đương (PPP). Đầu tư nước ngoài cũng rất quan trọng để cải thiện cơ sở hạ tầng vật chất, con người và cho phép tiếp cận bí quyết công nghệ.

Nhận thấy tầm quan trọng của đầu tư nước ngoài, một chính sách công nghiệp mới đã được chính phủ Bangladesh (GOB) thông qua năm 1999 để đạt được mục tiêu công nghiệp hóa nhanh chóng, bằng cách cung cấp các ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài (Đầu tư nước ngoài, 2009). Bài viết này sẽ điều tra liệu chính sách công nghiệp 1999 cho phép dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động đáng kể đến tăng trưởng kinh tế của Bangladesh trong khoảng thời gian 15 năm, từ

năm 1999 đến năm 2013 hay không.

3. Mục tiêu của nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu này là để đánh giá hiệu quả của FDI đối với tăng trưởng kinh tế của Bangladesh. Điều này sẽ được thực hiện bằng cách tiến hành phân tích lịch sử và phân tích thống kê về mối quan hệ giữa xu hướng dòng vốn FDI và tác động của nó đối với các chỉ số kinh tế vĩ mô được chọn như GDP, tỷ lệ lạm phát và cán cân thương mại (BOT).

4. Giả thuyết nghiên cứu

Như đã thảo luận trước đó, các chuyên gia có những quan điểm khác nhau về tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế của nước sở tại. Nghiên cứu được thiết kế để giải quyết sự bất đồng này đối với bằng chứng thực nghiệm từ Bangladesh. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ kiểm tra các giả thuyết sau đây:

H1: Có một mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa FDI và tăng trưởng GDP ở Bangladesh.

H2: Có một mối quan hệ tiêu cực mạnh mẽ giữa FDI và tỷ lệ lạm phát ở Bangladesh.

H3: Có một mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa FDI và BOT ở Bangladesh.

5. Xem xét tài liệu

Mục đích chính của phần này là xem xét các lý thuyết và nghiên cứu có liên quan đến tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế. Phần này sẽ bắt đầu bằng cách cung cấp định nghĩa về FDI. Điều này sẽ được tiếp nối bằng cách tóm tắt cả các mối quan hệ tích cực và tiêu cực giữa FDI và tăng trưởng kinh tế, cùng với các lập luận của những người cho rằng ảnh hưởng của FDI phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của nước nhận. Phần thứ ba của phần này thảo luận về các loại FDI khác nhau. Phần cuối cùng của phần này sẽ tập trung vào vai trò của FDI ở Bangladesh.

5.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), FDI đề cập đến các khoản đầu tư được thực hiện để có được sự quan tâm lâu dài đối với các doanh nghiệp hoạt động ngoài nền kinh tế của nhà đầu tư (Ridgeway, 2004). IMF cũng xem xét một khoản đầu tư được phân loại là FDI nếu nhà đầu tư nắm giữ một phần quyền sở hữu ít nhất 10% và thực hiện một số lượng đáng kể

quyền kiểm soát quản lý. Điều này tương tự như cách thức tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) định nghĩa FDI. Theo OECD (2012), "Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài là doanh nghiệp cư trú trong một nền kinh tế và trong đó nhà đầu tư cư trú tại một nền kinh tế khác sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp 10% hoặc nhiều hơn quyền biểu quyết của họ nếu được thành lập hoặc tương đương với một doanh nghiệp chưa hợp nhất... Quyền sở hữu ít nhất 10% quyền biểu quyết của doanh nghiệp được coi là bằng chứng cần thiết mà nhà đầu tư có đủ ảnh hưởng để có tiếng nói hiệu quả trong quản lý.

Từ các định nghĩa của IMF và OECD, một yêu cầu chung trong việc xác định đầu tư FDI là quyền sở hữu của nhà đầu tư phải ít nhất 10%, cũng là điều kiện tiên quyết để nắm quyền kiểm soát đáng kể đối với doanh nghiệp.

5.2. Tác động tích cực của FDI đến tăng trưởng kinh tế

Lý thuyết hiện đại hóa nói rằng FDI có thể đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển. Theo lý thuyết hiện đại

hóa, nhu cầu về hình thành vốn ở các nước đang phát triển có thể được đáp ứng bằng FDI thông qua đầu tư vốn có thể làm tăng trưởng kinh tế (Firebaugh, 1992). Khái niệm này được hỗ trợ bởi Mello (1999) đã kết luận rằng đầu tư nước ngoài là một yếu tố quan trọng để lấp đầy khoảng trống tài nguyên ở nhiều quốc gia đang phát triển. Ngay lập tức, FDI đã cho phép tăng trưởng kinh tế ở Nam và Đông Á bằng cách tăng sự hình thành vốn (Fry, 1999). Hơn nữa, Romer (1993) nói rằng đầu tư nước ngoài là hữu ích để xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất như đường xá và nhà máy. Cơ sở hạ tầng vật lý được cải thiện, đến lượt nó, sẽ làm tăng khả năng hấp thụ của nước sở tại, có thể thu hút thêm FDI.

Lý thuyết hiện đại hóa cũng cho thấy rằng FDI chuyển giao kiến thức, công nghệ, kỹ năng quản lý và ý tưởng có thể đóng góp vào sự phát triển kinh tế của nước nhận (Mengistu & Adams, 2007). Xác nhận ý tưởng này, Borensztein et al. (1998) cho rằng đầu tư nước ngoài tăng cường tăng trưởng kinh tế bằng cách chuyển giao công nghệ và kiến thức cho các nước đang phát triển. Bằng chứng cũng cho thấy rằng

➤ ➤ ➤ THỐNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

đầu tư nước ngoài khuyến khích đầu tư trong nước. Trong một nghiên cứu của 66 nước đang phát triển, Makki và Somwaru (2004) phát hiện ra rằng FDI kích thích đầu tư trong nước, giúp tăng trưởng kinh tế cao hơn. Các nghiên cứu khác được thực hiện bởi Agosin và Mayer (2000) cho rằng đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng tích cực đến đầu tư trong nước ở các nước châu Á.

Baliamoune-Lutz (2004) nhận thấy rằng đầu tư nước ngoài có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua việc cải thiện xuất khẩu. Một quan điểm tương tự được chia sẻ bởi Kabir (2007), người cho rằng FDI tăng số lượng xuất khẩu và do đó tăng thu nhập ngoại tệ, có thể được sử dụng để trả nợ nước ngoài. Zhang (2006) cũng nhận thấy rằng đầu tư nước ngoài đã tăng cường tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc bằng cách tăng khối lượng xuất khẩu của mình.

Hơn nữa, FDI đã được chứng minh là tăng GDP, GNP và PPP (Hồi giáo, 2003; Ahmed, 2005; Khan, 2007; Haque, 2007; Gupta, 1999; Kabir, 2007). FDI cũng đóng một vai trò trong việc giảm khoảng cách tiết kiệm trong nước, chênh lệch tỷ giá hối

đoái, thâm hụt BOP, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lạm phát và mức độ nghèo đói. FDI cũng được liên kết với việc giới thiệu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, đa dạng hoá xuất khẩu và phát triển các định chế tài chính.

5.3. Tác động tiêu cực của FDI đối với tăng trưởng kinh tế

Lý thuyết phụ thuộc cho rằng đầu tư nước ngoài có tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của nước sở tại (Dutt, 1997). Lý thuyết này được hỗ trợ bởi Brecher và Diaz-Alejandro (1977), họ cho rằng FDI có thể có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của nước sở tại nếu các công ty có vốn đầu tư nước ngoài chuyển lợi nhuận quá mức sang nước mẹ. Trường hợp này được gọi là hồi hương lợi nhuận, ảnh hưởng bất lợi đến BOP của nước sở tại (Brecher & Diaz-Alejandro, 1977).

Các chuyên gia khẳng định rằng FDI có tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế vì lấn át đầu tư trong nước. Ngay lập tức, trong một nghiên cứu ở 11 quốc gia Trung và Đông Âu, Eller, Haiss và Steiner (2005) đã phát hiện ra rằng đầu tư nước ngoài lấn át vốn trong nước. Trong một nghiên cứu khác, Bornschier và Chase-

Dunn (1985) kết luận rằng ngoài việc lấn át đầu tư trong nước, FDI sẽ tạo ra sự độc quyền. Hơn nữa, Quazi (2004) nói rằng FDI có thể có tác động tiêu cực đến nước chủ nhà do chuyển vốn, là dòng chảy của vốn trong nước ra nước ngoài, dẫn đến ảnh hưởng bất lợi đến tài khoản hiện tại của quốc gia và tài khoản ngoại hối.

FDI tăng nhập khẩu của nước chủ nhà bởi vì các công ty có vốn đầu tư nước ngoài thường cần máy móc vốn công nghệ cao và hàng hóa trung gian thường không có sẵn ở nước sở tại (Rahman, 2008). Tăng nhập khẩu có thể có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế do thâm hụt thương mại (Fry, 1999). Biersteker (1978) và Helleiner (1989) là những người hoài nghi về vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế của các quốc gia đang phát triển. Họ cho rằng FDI là cơ chế khai thác và kiểm soát các nước đang phát triển bởi các quốc gia công nghiệp phương Tây.

5.4. Ảnh hưởng của FDI phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của nước sở tại

Quan điểm thứ ba cho rằng tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của nước sở tại. Về vấn đề

này, Buckley, Clegg và Wang (2002) nói rằng FDI sẽ có ích cho phát triển kinh tế nếu các điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội của nước sở tại được coi trọng. Tuy nhiên, nếu một quốc gia không có môi trường kinh doanh thích hợp để hưởng lợi từ tác động lan tỏa tích cực từ sự hiện diện của các doanh nghiệp nước ngoài (ví dụ, có môi trường kinh doanh thích hợp để tạo điều kiện chuyển giao kỹ năng, công nghệ và quản lý), FDI có thể có tác động tiêu cực đến kinh tế phát triển (Toulaboe, Terry, & Johansen, 2009). Ví dụ, tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế sẽ có ý nghĩa hơn ở các nước Đông Á và Mỹ Latinh so với các nước châu Phi cận Sahara và Đông Á và Mỹ Latinh có mức độ phát triển tương đối cao hơn so với châu Phi cận Sahara (Toulaboe, Terry, & Johansen, 2009).

Lợi ích từ đầu tư nước ngoài không phải là tự động. Lợi thế của FDI phụ thuộc vào nguồn nhân lực có tay nghề, công nghệ được cải thiện, cơ sở hạ tầng phát triển, chính sách thương mại mở, cải cách kinh tế vĩ mô và thể chế, và chính sách thân thiện với FDI (Borensztein et al., 1998; Makki & Somwaru, 2004). Ví dụ, trong một

nghiên cứu của 46 quốc gia, Balasubramanyam, Mohammad và Sapsford (1996) nhận thấy FDI có tác động mạnh hơn đến tăng trưởng kinh tế khi các nước chủ nhà có lực lượng lao động có trình độ học vấn cao hơn. Trong một nghiên cứu khác, Sun (1998) phát hiện ra rằng chính sách thương mại tự do kích thích ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc thông qua hình thành vốn, tăng khối lượng xuất khẩu và giảm tỷ lệ thất nghiệp. Mặt khác, tham nhũng và thiếu minh bạch có xu hướng ngăn cản đầu tư nước ngoài (Kaufmann & Wei, 1999).

6. Phân loại FDI

FDI có thể được phân loại thành năm loại khác nhau bao gồm: (1) Đầu tư mới, (2) Sáp nhập hoặc mua lại, (3) Liên doanh, (4) Hợp nhất theo chiều ngang và (5) Hợp nhất theo chiều dọc (Ball & McCulloch, 1999). Chúng được thảo luận trong các phần sau:

6.1. Đầu tư mới

Một công ty muốn sở hữu một công ty con nước ngoài hoàn toàn có thể bắt đầu từ đầu tư mới bằng cách xây dựng các cơ sở mới hoặc mở rộng các cơ sở hiện có (Ball & McCulloch, 1999).

Việc thành lập các nhà máy và cơ sở công nghiệp tại các khu chế xuất (KCX) là những ví dụ về đầu tư mới ở Bangladesh.

6.2. Sáp nhập hoặc mua lại

Việc sáp nhập hoặc mua lại xảy ra khi một công ty nước ngoài mua tài sản hiện có của một công ty địa phương (Ball & McCulloch, 1999). Ví dụ, vào năm 2004, một công ty viễn thông lớn mang tên Orascom đã mua 100% ShebaTelecom (Pvt.) Ltd. ở Bangladesh. Việc mua lại này đã được sử dụng để bắt đầu một doanh nghiệp được gọi là "BanglaLink", một công ty con của Orascom.

6.3. Liên doanh (JV)

Một liên doanh có thể được thành lập theo nhiều cách. Một liên doanh có thể được thành lập khi một công ty quốc tế tham gia với một công ty địa phương (hoặc với một công ty quốc tế khác) để thành lập một tổ chức công ty. Ngoài ra, công ty quốc tế có thể tham gia với chính phủ của nước đầu tư để thành lập một tổ chức công ty (Ball & McCulloch, 1999). Ví dụ, GrameenPhone (GP) ở Bangladesh là một liên doanh được thành lập bởi Telenor của Na Uy và Grameen Telecom của Bangladesh.

➤ ➤ ➤ THỐNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

6.4. Hợp nhất theo chiều ngang

Hợp nhất theo chiều ngang đề cập đến tình huống mà một công ty đầu tư vào cùng một loại ngành công nghiệp ở nước ngoài mà họ đang kinh doanh (Đầu tư trực tiếp nước ngoài, 2009). Trong ví dụ liên doanh được mô tả ở trên, Telenorwas là đối thủ cạnh tranh chính trên thị trường viễn thông ở Na Uy, trước khi tham gia thị trường viễn thông Bangladesh bằng cách thành lập một liên doanh với công ty Grameen Telecom tại địa phương.

6.5. Hợp nhất theo chiều dọc

Hợp nhất theo chiều dọc có hai dạng: (1) Hợp nhất lùi liên quan đến đầu tư vào một ngành công nghiệp cung cấp đầu vào cho sản xuất trong nước nơi công ty đầu tư; và (2) Hợp nhất tiến liên quan đến đầu tư vào một ngành công nghiệp bán sản lượng của các nhà sản xuất trong nước nơi công ty đầu tư.

7. FDI ở Bangladesh

Như đã thảo luận trước đây, FDI có thể giúp lấp đầy khoảng trống tài nguyên ở một nước đang phát triển. Là một quốc gia đang phát triển, Bangladesh

từ lâu đã nhận thức được sự cần thiết và tầm quan trọng của đầu tư nước ngoài. Ngay sau khi độc lập từ Pakistan vào năm 1971, Bangladesh bắt đầu cố gắng thu hút FDI cho các mục đích hình thành vốn và chuyển giao công nghệ và kiến thức. Dòng vốn FDI đã tăng lên đáng kể từ năm 1999, khi chính sách công nghiệp mới được chính phủ Bangladesh thông qua.

Hội đồng Đầu tư (BOI) ở Bangladesh được thành lập để triển khai nhanh các dự án công nghiệp mới, cung cấp một loạt các dịch vụ cho các nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cơ sở hạ tầng, điều kiện xuất, nhập khẩu, giải quyết tranh chấp đối với các nhà đầu tư nước ngoài và tư vấn trước khi đầu tư (Đầu tư nước ngoài, 2009). BOI cũng cung cấp các dịch vụ ưu đãi để gặp gỡ các nhà đầu tư nước ngoài như tiếp nhận tại sân bay, đặt phòng khách sạn và sắp xếp phương tiện đi lại.

FDI ở Bangladesh được khuyến khích trong các lĩnh vực như cơ sở hạ tầng năng lượng và điện, cũng như các ngành công nghiệp như viễn thông, máy tính, máy bay và động cơ, dệt may, nông nghiệp và dược phẩm (Đầu tư nước ngoài, 2009). Trong khi đây là những lĩnh vực ưu

tiên, các nhà đầu tư nước ngoài được chào đón đầu tư bất kỳ ngành nào mà họ lựa chọn ngoại trừ "ngành công nghiệp dự trữ" như vũ khí và đạn dược, trồng rừng, năng lượng hạt nhân và in tiền tệ. Trong tất cả các lĩnh vực ngoại trừ các ngành công nghiệp dành riêng, Bangladesh đưa ra chính sách bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trong nhiều khía cạnh khác nhau, các nhà đầu tư nước ngoài được hưởng những lợi ích tương tự như các nhà đầu tư trong nước, bao gồm thời gian ưu đãi thuế, tiền bản quyền và phí bí mật công nghệ (Đầu tư nước ngoài, 2009). Nhà đầu tư nước ngoài cũng được hưởng 100% vốn nước ngoài và hoàn vốn về nước đầy đủ. Ngoài chính sách FDI thân thiện, GOB đã thiết lập các khu chế xuất để cung cấp các ưu đãi hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong 15 năm qua, lượng vốn FDI vào Bangladesh đã tăng từ 394 triệu đô la năm 1999 lên 1,73 tỷ đô la năm 2013 (BB, 2013). Tuy nhiên, số lượng FDI ở Bangladesh (dân số 150 triệu người) vẫn còn thấp so với Ấn Độ (dân số 1,2 tỷ người). Năm 2013, Ấn Độ đã nhận được 28 tỷ USD FDI (UNCTAD, 2013). Các

yếu tố đáng sau dòng vốn FDI hạn chế ở Bangladesh bao gồm bất ổn chính trị, cơ sở hạ tầng không đầy đủ, quan liêu không hiệu quả, tham nhũng tràn lan, lực lượng lao động không có kỹ năng và quy trình tư nhân hóa chậm (Rahman, 2008).

Tuy nhiên, mục đích của nghiên cứu này không phải là tìm và phân tích các yếu tố hạn chế dòng vốn FDI vào Bangladesh. Thay vào đó, nghiên cứu này điều tra xem FDI có tác động đến phát triển kinh tế ở Bangladesh hay không bằng cách phân tích dữ liệu lịch sử từ năm 1999 đến năm 2013.

8. Phương pháp luận

Nghiên cứu này kiểm tra dữ liệu chuỗi thời gian trong khoảng mười lăm năm từ 1999 đến 2013 (xem dữ liệu được nêu trong Phụ lục). Để kiểm tra ba giả thuyết, nhiều phân tích hồi quy được thực hiện bằng cách sử dụng dòng vốn FDI như biến độc lập, và GDP, lạm phát CPI và BOT là ba biến phụ thuộc.

Dữ liệu lịch sử (từ 1999 đến 2013) của dòng vốn FDI, tăng trưởng GDP, lạm phát CPI và BOT, được thu thập từ các ấn phẩm do Ngân hàng Bangladesh (BB) phát hành, ngân hàng trung ương của quốc gia chịu trách nhiệm báo

cáo FDI và dữ liệu kinh tế vĩ mô. BB sử dụng hệ thống báo cáo khảo sát và hệ thống sổ sách để thu thập và trình bày dữ liệu chính của nó (Phương pháp, 2010). Vì BB là nguồn của cả dữ liệu dòng vốn FDI và dữ liệu kinh tế vĩ mô, bất kỳ sự mâu thuẫn nào trong việc tạo ra dữ liệu sẽ được giảm thiểu.

9. Giải thích thống kê

Mối quan hệ giữa FDI và tỷ lệ tăng trưởng GDP, FDI và tỷ lệ lạm phát, FDI và cán cân thương mại được phân tích dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian từ năm 1999 đến năm 2013.

9.1. FDI và tăng trưởng GDP

Một tương quan Pearson được sử dụng để mô tả sức mạnh và hướng của mối quan hệ tuyến tính giữa biến độc lập (FDI) và phụ thuộc (tăng trưởng GDP). Tương quan Pearson là 0,38, cho thấy mối tương quan dương giữa FDI và tăng trưởng GDP, nhưng mức ý nghĩa là 0,08, cho thấy mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng GDP không có ý nghĩa thống kê.

9.2. Tỷ lệ FDI và lạm phát

Hệ số tương quan là 0,53, cho thấy một mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa FDI và tỷ lệ lạm phát ($p = 0,013$). R bình phương là 0,328, chỉ ra rằng 32,8% của phương

sai trong tỷ lệ lạm phát được giải thích bởi sự khác biệt về số lượng dòng vốn FDI.

9.3. FDI và cán cân thương mại

Có một mối quan hệ tiêu cực mạnh mẽ giữa FDI và BOT được hỗ trợ bởi hệ số tương quan lớn và đáng kể là 0,697. R bình phương là 0,486, do đó, 48,6% phương sai trong BOT được giải thích bởi sự chênh lệch về lượng vốn FDI.

10. Thảo luận về kết quả

Các kết quả thống kê cho thấy mối tương quan dương không đáng kể giữa FDI và tăng trưởng GDP, một mối tương quan dương giữa FDI và tỷ lệ lạm phát, và mối tương quan nghịch mạnh giữa FDI và BOT. Do đó, các kết quả thu được trong nghiên cứu này cho thấy rằng tăng trưởng FDI không liên quan đến tăng trưởng kinh tế tích cực ở Bangladesh. FDI được liên kết với sự gia tăng tỷ lệ lạm phát và cán cân thương mại tiêu cực. Như đã thảo luận trước đây, tỷ lệ lạm phát cao hơn làm giảm sức mua của người dân và đã bị đổ lỗi cho sự trì trệ kinh tế. Ngoài ra, một cán cân thương mại tiêu cực xảy ra khi nhập khẩu của một quốc gia cao hơn xuất khẩu và điều này tạo ra

➤ ➤ ➤ THỐNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

một khoảng trống tài nguyên cho các nước đang phát triển. Ngược lại, FDI dường như có tác động tích cực nhỏ nhưng không có ý nghĩa thống kê, ảnh hưởng đến tăng trưởng GDP.

Vì nghiên cứu này đã tìm thấy mối tương quan nghịch giữa FDI và hai trong số ba chỉ số kinh tế vĩ mô, những kết quả này có thể là mối quan ngại đối với chính phủ Bangladesh. Một quốc gia có vốn đầu tư thấp như Bangladesh không thể bỏ qua tầm quan trọng của đầu tư nước ngoài để tăng trưởng bền vững. Bằng chứng cho thấy tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của nước sở tại, có tính đến các yếu tố như nguồn nhân lực có tay nghề, công nghệ, cơ sở hạ tầng, chính sách thương mại, cải cách thể chế và điều kiện chính trị (Borensztein et al. , 1998; Makki & Somwaru, 2004).

Có một số yếu tố gây cản trở kết quả tích cực từ đầu tư nước ngoài ở Bangladesh, chẳng hạn như lực lượng lao động không có kỹ năng, cơ sở hạ tầng không đầy đủ, quá trình tư nhân hóa chậm, quan liêu, bất ổn chính trị và thiên tai định kỳ (Rahman, 2008). Tham nhũng và thiếu minh bạch làm tăng thêm

khó khăn của việc kinh doanh tại Bangladesh (Minh bạch, 2010). Giống như các quốc gia kém phát triển khác, lợi thế so sánh của Bangladesh nằm trên các yếu tố cơ bản của sản xuất như lao động chi phí thấp. Tuy nhiên, đất nước cần nâng cao hiệu quả và năng suất của thị trường lao động bằng cách tạo ra lực lượng lao động có trình độ và có tay nghề cao. Một lực lượng lao động có tay nghề được coi là một yếu tố tiên tiến của sản xuất, đó là điều kiện tiên quyết cho công nghiệp hóa và tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, yêu cầu cải cách và các hàm ý chính sách sẽ thúc đẩy chức năng đầu tư nước ngoài tại Bangladesh. Lợi ích của FDI không phải là tự động. Để làm cho FDI có lợi, chính phủ Bangladesh phải nâng cao năng lực hấp thụ như lực lượng lao động được đào tạo, cơ sở hạ tầng vững chắc, từng bước hoàn thiện các tiện ích, chính sách đầu tư thân thiện, công nghệ tiên tiến và ổn định chính trị.

11. Khuyến nghị cho nghiên cứu trong tương lai

Kết quả của nghiên cứu này sẽ hữu ích cho các nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức phát triển tìm cách hiểu rõ hơn về vai trò

của FDI ở Bangladesh. Tác động tiêu cực của FDI đối với tăng trưởng kinh tế có thể làm tăng mối quan tâm giữa các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc (UN), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đang hoạt động để thúc đẩy kinh tế vĩ mô của các nước đang phát triển. Các tổ chức này có thể thúc đẩy chính phủ Bangladesh thực hiện các bước cần thiết để tạo thuận lợi cho đầu tư nước ngoài trong tương lai.

Nghiên cứu trong tương lai nên tập trung vào việc tìm kiếm mối quan hệ nhân quả giữa FDI và tăng trưởng kinh tế ở Bangladesh. Chúng tôi đề nghị nghiên cứu trong tương lai bao gồm các chỉ số kinh tế vĩ mô khác (như tỷ lệ thất nghiệp, tổng sản phẩm quốc gia, sức mua tương đương, tỷ lệ nghèo và tỷ giá hối đoái), có thể giúp giải thích tốt hơn ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế của Bangladesh.

Anh Tuấn (dịch)

Impact of Foreign Direct Investment on Economic Growth: Empirical Evidence from Bangladesh

Nguồn: <http://dx.doi.org/10.5539/ijef.v7n2p178>